

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/HS-PT

Ngày: 24-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán : Ông Ngô Quang Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

-Thư ký phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Tiên- Kiểm sát viên .

Ngày 24/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 109/2018/TLPT-HS ngày 27/6/2018 đối với các bị cáo Hoàng Thị H, Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng Thị H, Nguyễn Văn Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo có kháng cáo :

Họ và tên: **Hoàng Thị H**; tên gọi khác: không có; sinh năm 1984, tại: Huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 2, thôn T, xã H, Huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị T; Chồng Nguyễn T1 A; Có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bản án số 137/2012/HSPT ngày 14/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội "Tàng trữ hàng cấm"; ngày 12/5/2014 chấp hành xong hình phạt tù, xong án phí ngày 10/9/2012; Quyết định xử phạt hành chính số 228 ngày 06/9/2011 Trưởng Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 06 triệu đồng về hành vi vận chuyển hàng cấm; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ 22 giờ 30 phút ngày 05/11/2017 đến 16 giờ 10 phút ngày 10/11/2017 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có các bị cáo khác, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập. Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau : Cuối năm 2015, Hoàng Thị H - sinh năm 1984 là chủ quán Karaoke KTV88 có địa chỉ tại: Thôn Trung T, xã H, Huyện H, tỉnh Bắc Giang, thỏa thuận với anh Triệu Đức V - sinh năm 1991 có địa chỉ: Thôn T, xã M, Huyện H, tỉnh Bắc Giang, vào làm nhân viên quản lý quán với tiền công là 4.000.000đồng. Đến đầu tháng 8/2017, anh V xin nghỉ việc, nhưng chưa đối chiếu để chốt số tiền quản lý quán, công làm, tiền ứng lương còn nợ với H. Mặc dù H đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại và tìm gặp, nhưng anh V né tránh không đến gặp H, H đã thông tin cho một số người quen biết để tìm V. Khoảng 16 giờ ngày 21/9/2017, khi biết được thông tin anh V đang ở huyện M, thành phố H, H bảo với Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1984 ở thôn X, xã C; Trần Đỗ Q - sinh năm 1985, ở thôn S, xã Đ; Nguyễn Hữu T - sinh năm 1987 ở thôn Trung T, xã H; Nguyễn Ngọc C - sinh năm

1988 ở thôn T, xã H, đều thuộc Huyện H, tỉnh Bắc Giang, là những người đang làm thuê cho H, đi tìm anh V bắt đưa về quán KTV88 để gặp H giải quyết việc tiền nong và được mọi người đồng ý. C là bạn của anh V, nên khi Đ yêu cầu đi cùng thì C không muốn đi, C bị Đ tát vào mặt để buộc phải đi cùng, mặt khác C cũng vì nể H nên đã nhận lời cùng đi với nhóm của Đ, T1, Q để đi bắt anh V. Sau đó H giao xe ô tô nhãn hiệu Huyndai i10, biển số 30E-409.55 cho T1, T1 là người điều khiển xe ô tô đưa Đ, C, Q (Các đối tượng mang theo 01 gậy rút 03 khúc bằng kim loại dài khoảng 70cm) đi tìm để đưa anh V về gặp H. Đi được một đoạn, Đ say xe nên đã đổi lái cho T1. C liên lạc được với anh V và hẹn gặp tại một quán nước thuộc thôn D, xã T, huyện M, thành phố H. Đến nơi, C xuống xe ngồi vào quán nước đã hẹn chờ anh V. Đ, T1, Q vẫn ngồi trên xe ô tô đỗ cách quán nước một đoạn để khi anh V đến sẽ tiếp cận, ép anh V lên xe đưa về huyện H. C ngồi uống nước được khoảng 20 phút, thì anh V và một người đàn ông đi xe mô tô đến quán gặp C. Thấy anh V đến, T1 liền điều khiển xe ô tô chở Q và Đ đến chặn đầu xe máy của người đàn ông đang chở anh V, anh V ngồi sau biết mình bị lừa nên nhảy xuống xe mô tô bỏ chạy. Q cầm gậy rút cùng Đ xuống xe ô tô đuổi theo anh V được khoảng 100m, thì bắt được anh V. Q cầm gậy rút vụt khoảng 4- 5 cái trúng người, đầu, chân anh V, còn Đ thì giữ anh V lại. T1 lái xe chở C đến chỗ Q và Đ đang giữ anh V. Khi T1 lái xe đến nơi, Đ cầm tay phải, Q cầm tay trái anh V kéo và ép anh V lên ghế sau xe ô tô, anh V bị ép ngồi giữa Đ và Q. T1 lái xe, C ngồi ghế phụ phía trên. Khi bắt, giữ được anh V, Đ gọi điện thoại thông báo H biết, Đ hỏi H đưa anh V về địa điểm nào, H yêu cầu đưa anh V về quán KTV88 để gặp H. Khoảng 19 giờ cùng ngày, cả nhóm đã đưa anh V về đến quán KTV88, nhưng lúc đó H không có nhà. Sau khi đợi khoảng 20 phút thì H cùng chồng là Nguyễn Tuấn A - sinh năm 1980 về đến quán. Thấy anh V đang ngồi trong quán, Nguyễn Tuấn A lao

vào đấm, đá anh V. Q cũng dùng chân, tay đấm, đá; Đ cầm dép đánh vào người anh V. Thấy T1 Anh, Q và Đ đánh anh V, H ngăn lại và bảo anh V lên phòng ngủ của H ở tầng 2 để nói chuyện. Do lúc đó H có khách, nên H bảo chị Lý Thị H1 - sinh năm 1999, quê ở huyện B, tỉnh L - là nhân viên quán của H và là bạn của anh V, lau chùi vết thương cho anh V. Một lúc sau H về phòng gặp anh V, hai bên nói chuyện về việc nợ tiền, anh V lý do nên nói bị mệt không nhớ gì. H đã đọc và yêu cầu anh V viết giấy tường trình về quá trình làm việc tại quán và tự nhận còn nợ H số tiền 26.290.000đ (giấy này H giữ lại, ngày 07/11/2017 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra). Khoảng hơn 21 giờ cùng ngày thì H cho anh V về, anh V đã nhờ H gọi xe taxi để chở về nhà.

Ngày 05 tháng 11 năm 2017 bị cáo H, bị cáo Đ, bị can Q, bị cáo T1, bị cáo C, sau khi bị triệu tập đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, các đối tượng này đã xin đầu thú và đều thừa nhận H có nhờ các bị cáo đi tìm và bắt, giữ anh Triệu Đức V, để đưa về quán KTV 88 của H;

Bị cáo Đ khai nhận: Do có quan hệ xã hội với bị cáo H, bị cáo chơi thân và nhận kết nghĩa chị em với bị cáo H, nên khoảng tháng 07 hoặc tháng 08 năm 2017, bị cáo có nghe tin bị cáo H là chủ quán KTV 88 đang tìm anh V để đòi nợ (Cụ thể số tiền bao nhiêu bị cáo không rõ), bị cáo H đã thông tin cho bạn bè quen biết ngoài xã hội, xem ai biết anh V ở đâu thì báo cho bị cáo H biết. Khoảng 15 giờ ngày 21/9/2017 bị cáo đang ở quán KTV 88 của bị cáo H, thì được bị can Q gọi điện báo cho bị cáo có biết chỗ anh V đang sinh sống, bị cáo có điện thoại báo lại cho H biết, bị cáo H xác nhận và đồng ý để bị cáo cùng bị can Q, bị cáo T1 và bị cáo C đi tìm để đưa anh V về gặp H, một lúc sau thì Q đi xe mô tô đến quán karaoke KTV 88 của H, Q lấy 01 gậy sắt dài khoảng 70 cm (Loại gậy rút gồm 03 đoạn), đồng thời Q xin phép H đi tìm và đưa anh V về quán, Q có nói với H là hôm nay gặp V là “đánh”, thì H bảo không được đánh. Ngay sau đó bị cáo có điện thoại gọi thêm bị

cáo T1, bị cáo C đến để đi tìm và đưa anh V về giúp H, H đã giao xe ô tô biển kiểm soát 30E. 409.55 màu sơn bạc của H cho T1, bị cáo T1 đã điều khiển xe chở bị cáo cùng bị can Q, bị cáo C đi về hướng huyện M, thành phố H để tìm anh V (Q ngồi ở ghế phụ, bị cáo ngồi ở hàng ghế sau Q, bị cáo C ngồi ở hàng ghế sau T1), do C đã liên hệ và biết anh V ở khu vực đó, khi gần đến khu vực qua cầu vượt N thuộc huyện M thì bị cáo đổi lái cho bị cáo T1, qua cầu vượt cả nhóm đợi anh V, một lúc sau, các đối tượng phát hiện anh V đi cùng một nam thanh niên bằng xe mô tô Wave màu đỏ, đen đến quán nước mà C đã hẹn gặp ở đó, thấy vậy bị cáo đã điều khiển xe ô tô phóng lên chặn đầu xe mô tô đang chở anh V, anh V thấy vậy nên đã bỏ xe, chạy bộ bỏ trốn, Q mở cửa xe ô tô và cầm theo gậy sắt xuống xe chạy đuổi theo anh V, bị cáo cũng dừng xe và xuống xe chạy đuổi theo anh V, đuổi được khoảng 100 mét thì cả Q và bị cáo đuổi kịp V, Q sử dụng gậy sắt vụt 04 đến 05 cái vào chân và người của anh V. Sau khi bắt được V, bị cáo đã túm được tay phải anh V, Q túm tay trái anh V, cả hai lôi anh V quay lại xe ô tô, lúc này T1 lái xe đi đến cạnh bị cáo và Q cùng anh V, C lúc đó cũng xuất hiện, Bị cáo và Q ép anh V lên ghế sau xe ô tô, lúc đó T1 cũng xuống xe và đứng cạnh chửi, bắt anh V lên xe, bị cáo ngồi bên trái (Trên ghế sau của xe ô tô, Q ngồi bên phải anh V, C ngồi ghế phụ). Sau đó T1 điều khiển xe ô tô chở tất cả về quán KTV 88 của H ở huyện Hiệp Hòa. Đến khoảng 19 giờ thì về đến quán KTV 88 ở thôn T, xã H, bị cáo đưa anh V vào phòng khách và giữ lại ở đó, sau đó bị cáo và bị cáo C ra cửa nói chuyện, Q ở lại canh chừng anh V, khoảng 30 phút sau thì H cùng chồng là A về đến quán KTV 88, khi thấy H và A về, thì Q dùng chân tay đấm, đá anh V, A cũng lao vào tát anh V, bị cáo cũng dùng dép và cầm tay phải vụt một cái vào mặt anh V, H bảo thôi, do vậy tất cả dừng lại. Lúc này trên cơ thể anh V có thương tích và chảy máu, H không cho V đi sơ cứu và bắt anh V ở lại nói chuyện,

do có khách nên H bảo anh V đi lên tầng 2 của nhà H, sau đó H và A cũng đưa V lên tầng 2, H bảo bị cáo mang giấy bút lên, để anh V khai về việc cấm xe mô tô của H và tiền nợ H, hơn 21 giờ cùng ngày H bảo bị cáo gọi xe taxi để chở anh V về nhà anh V.

Bị cáo T1, bị cáo C, bị cáo Q đều khai nhận như bị cáo Đ đã khai nhận ở trên. Bị cáo T1 còn khai: Khi về quán KTV 88, H bảo anh V lên tầng 2, thấy V bị đánh đau chân, bị cáo đã dìu anh V lên, sau đó bị cáo xuống tầng 1 rửa chân tay và đi về.

Bị cáo H khai nhận: Do anh V làm quản lý ở quán hát Karaoke của bị cáo, tháng 8 năm 2017 anh V xin nghỉ không làm nữa, sau khi nghỉ anh V không thanh toán tiền ứng lương, tiền thu của khách và không thanh toán lại với bị cáo. Bị cáo đã nhiều lần điện thoại cho anh V, nhưng V không đến gặp, sau này không nghe điện thoại. Ngày 21/9/2017 bị cáo có thông tin về việc anh V đang ở huyện M, thành phố H, bị cáo đã giao xe ô tô Hyundai i10, biển kiểm soát 30E.409.55 cho bị cáo T1, để bị cáo T1, bị cáo Đ, bị cáo Q, bị cáo C, đi tìm anh V để bắt đưa về quán KTV 88 gặp bị cáo giải quyết vụ việc, khoảng 20 giờ cùng ngày bị cáo thấy Đ, Q, T1, C đã đưa anh V về quán hát của bị cáo, bị cáo không đánh đập gì anh V. Việc đi bắt anh V về quán hát của bị cáo, là do bị cáo nhờ các bị cáo và bị can ở trên đi bắt anh V và đưa về quán gặp bị cáo.

Khi đầu thú bị cáo H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S có số IMEI 861216034808675; MEI 861216034808667; Bị cáo Đ giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng có số IMEI 354452062605501 lắp sim số 0982458770; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu xanh có số IMEI 1 590002795918323; IMEI 2 99000279591832 lắp sim số 09686557342; Q giao nộp 01 chiếc điện thoại Nokia vỏ màu đen trắng có số IMEI 357658014266849 lắp sim số 0971216686; T1 giao nộp 01 điện thoại di

động Nokia mà xám đã qua sử dụng; có số IMEI 356339/15/715870/3; C giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung số IMEI 1 358815072055856/01 và IMEI 2 358816072055863/01 lắp sim số 01633220153;

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà ở của H thu giữ một số giấy tờ của gia đình H gồm: 01 giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị H2, 01 giấy bán xe ô tô, 01 giấy cam kết (Ngày 03/9/2017; 01 giấy nhận tiền ngày 17/9/2017 của anh Nguyễn Ngọc A1); 01 giấy vay tiền ngày 10/9/2015, 01 thẻ đảng viên mang tên Nguyễn Ngọc T2; 02 đăng kiểm mang mã số MQ: KC1216498 và NQ: CC1728727; 02 bản sao đăng ký ô tô mang BKS 98 D-004.46 và BKS 30E – 409.55; 02 giấy bán xe ô tô, người bán là Vũ Đình Q1 và Nguyễn Ngọc A1; 01 giấy bảo hiểm của chủ xe ô tô mang số 0155567 và 0101428. Đồng thời Nguyễn A giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai i10 mang biển kiểm soát: 30E-409.55;

Khi các đối tượng bắt, giữ anh V lên xe ô tô, anh V đã bị rơi chiếc điện thoại Oppo vỏ màu trắng, Q đã nhặt và đưa cho Đ, sau đó Đ đưa cho chị Lý Thị H2 (là bạn của anh V) cầm hộ. Ngày 09/11/2017 chị H2 giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc điện thoại này. 01 chiếc gậy rút bằng sắt mà Q dùng để đánh anh V, theo Q khai đã vứt tại hiện trường. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho H: 01 xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; 01 bản photo có công chứng đăng ký xe ô tô; 02 giấy bán xe ô tô giữa Nguyễn Ngọc A1 và Hoàng Thị H; 01 giấy vay tiền đề ngày 18/9/2017 có chữ ký của H, Ngọc A1 đều của xe ô tô biển kiểm soát 30E-409.55;

Ngày 11/12/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu là Nguyễn Hữu T các đồ vật, tài liệu sau: 01 giấy bán xe ô tô BKS: 26D-001.91 (người bán là Vũ Đình Q1); 01 bản sao đăng ký xe ô tô; 01 đăng kiểm xe ô tô ; 01 chứng nhận bảo hiểm đều của xe ô tô BKS: 98D-004.46 (là giấy tờ của T1 để ở quán của H). Ngày 09/3/2018 trả lại cho anh Triệu Đức V 01 điện thoại Oppo vỏ màu trắng; trả cho Hoàng Thị H: 01 giấy cam kết đề ngày 03/9/2017, 01 giấy biên nhận tiền 17/9/2017 có tên Nguyễn Ngọc T2, 01 giấy vay tiền đề ngày 10/9/2015; 01 giấy vay tiền có tên Nguyễn Thị H2; trả cho anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm: 1989: 01 thẻ Đảng viên số 0379876 (mang tên anh T2); trả cho chị Hoàng Mỹ K, sinh năm: 1995 đều trú tại: T, H, H 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng (là điện thoại chị K cho Đ mượn để liên hệ, Đ giao nộp khi đến đầu thú).

Hành vi dùng gậy rút, dẹt và chân tay không đánh gây thương tích cho anh Triệu Đức V của Trần Đỗ Q và Nguyễn Văn Đ với mục đích làm V sợ phải đi theo về huyện H và để V phải ở lại quán Karaoke KTV để hoàn thành mục đích của Hoàng Thị H. Anh Triệu Đức V từ chối giám định thương tích.

Hành vi của Đ tát, đâm đá Nguyễn Ngọc C. Trưởng Công an huyện Hiệp Hòa quyết định xử lý hành chính đối với Đ về hành vi này.

Hành vi dùng tay tát, đâm anh V của Nguyễn Tuấn A. Kết quả điều tra xác định không có dấu hiệu đồng phạm với các bị can. Anh V cũng không đề nghị gì về hành vi này, nên Trưởng Công an huyện Hiệp Hòa xử phạt hành chính đối với Nguyễn Tuấn A;

Khi khám xét nơi ở tại nhà bị cáo H, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 “Giấy cam kết” đề ngày 03/9/2017 ký tên Ngô Văn M. Giấy cam kết có nội dung M nhận xin biên chế cho H. Quá trình điều tra H khai nhận: Anh Ngô Văn M - sinh năm 1990; trú tại: Thôn C, H, H đã vay H số tiền 10.000.000

đồng và có ký nhận vào phần dưới của 01 tờ giấy trắng, các nội dung còn lại trên giấy là do H viết và không vì mục đích gì, chỉ nhằm mục đích cho M trả nợ đúng hạn. Hiện anh M cũng đã trả lại cho H đủ số tiền trên, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Việc Hoàng Thị H yêu cầu anh Triệu Đức V viết giấy nhận nợ tiền tại phòng ngày 21/9/2017 (số tiền 26.290.000 đ) chỉ với mục đích H sẽ sử dụng giấy đó để thông báo cho gia đình anh V biết việc anh V nợ tiền. Ngay lúc đó và đến nay, H không ép buộc anh V phải trả số tiền trên, nên chưa có căn cứ xem xét xử lý đối với H về hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Lời khai của chị Hoàng Mỹ K: Vào khoảng 09 giờ ngày 05/11/2017, khi chị đang làm việc tại quán KTV 88 ở T, xã H thì có 01 số điện thoại lạ gọi vào điện thoại của Chị, thấy vậy Chị đưa điện thoại cho bị cáo Đ – Là người cùng làm việc với Chị ở quán KTV 88 nghe máy, sau khi Đ mở cửa thì bị Công an tỉnh Bắc Giang ập vào bắt, khi bắt thì Đ vẫn cầm điện thoại này của Chị và sau đó nộp cho Cơ quan Công an. Chị đã được cơ quan Công an trả lại điện thoại này và không có yêu cầu gì.

Lời khai của anh V: Anh có làm quản lý quán hát KTV 88 cho bị cáo H từ năm 2015, tháng 8/2017 gia đình Anh không muốn Anh làm ở quán KTV 88 nữa, Anh xin nghỉ, bị cáo H không nói gì và đồng ý. Khi nghỉ giữa Anh và bị cáo H chưa thanh toán với nhau về tiền lương của Anh và tiền mà Anh đã ứng trong quá trình quản lý quán, H có một số lần nhắn tin, gọi điện yêu cầu Anh về thanh toán, do chưa thu xếp được công việc nên Anh chưa về gặp được bị cáo H.

Ngày 21/9/2017 khi Anh đang ở huyện M, thành phố H, thì bị cáo C có điện thoại cho Anh và rủ Anh ra quán nước, chỗ bạn Anh đang bán, Anh đi xe ôm đến quán để gặp C, thì bị cáo Đ, bị cáo T1 và bị can Q bắt, giữ Anh như các bị cáo đã khai ở trên, quá trình bắt, giữ. Anh bị một số đối tượng

bắt, giữ đánh gây thương tích, do thương tích ở phần mềm và đã khỏi, Anh không đề nghị xem xét trách nhiệm của các bị cáo và một số đối tượng khác đã đánh Anh, không yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Anh chỉ yêu cầu các bị cáo xin lỗi Anh và đề nghị Hội đồng xét xử, xử thật nghiêm đối với các bị cáo. Về chiếc điện thoại di động Oppo vỡ màu trắng khi các đối tượng bắt giữ Anh bị rơi, Anh không biết ai nhặt và cất giữ, nhưng hiện tại Anh đã được Cơ quan Công an trả lại. Anh không có yêu cầu gì.

Lời khai của anh Tuấn A: Khoảng tháng 08/2017 anh Triệu Đức V làm quản lý quán hát cho vợ chồng Anh nghỉ việc, nhưng không thanh toán rất nhiều với vợ Anh là bị cáo H, H đã nhiều lần gọi điện yêu cầu V về thanh toán, nhưng V không về. Sau này anh Q, anh Đ đi tìm bắt về theo lệnh của ai Anh không biết. Ngày 21/9/2017 khi Anh cùng vợ là H ở thị trấn T về, thì có người điện thoại cho H nói chuyện, Anh thấy H nói đã tìm được anh V rồi, sau đó vợ chồng Anh về quán KTV 88, thì ở tầng 1 có Đ, Q, V đang ngồi ở bàn uống nước, khi đó Đ có nói cho Anh và H là tìm thấy V ở huyện Mê Linh, H đi lên phòng ở tầng 2, Đ bảo V lên tầng 2 nói chuyện với H, Anh cũng bảo V đi lên tầng 2 nói chuyện với H để giải quyết chuyện tiền nong, anh V có đi lên nói chuyện với H một lúc sau thì đi xuống, để đi xe taxi về nhà. Khi Anh và H về có thấy V bị xước ở tay, xước ở chỗ nào Anh không nhớ. Anh được biết việc Đ và Q đưa anh V về để gặp H giải quyết việc nợ tiền.

Lời khai của anh Ngọc A: Ngày 04/8/2017, Anh có vay của H 150.000.000đồng và viết lại giấy bán xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i 10, biển kiểm soát 30 E – 409.55 cho H giữ; Lần thứ 2 vào ngày 18/9/2017, Anh lại tiếp tục vay của H 10.000.000đồng và cũng thế chấp để lại chiếc xe ô tô trên cho H. Hiện nay Anh đã trả tiền cho H, do xe ô tô đang bị tạm giữ nên H

chưa trả được xe cho Anh. Khi Công an trả xe cho H Anh đã nhận lại xe ô tô trên.

Ngoài ra trong hồ sơ còn một số lời khai của một số người khác liên quan đến giấy vay tiền của bị cáo H, đều liên quan đến các giấy tờ bị thu giữ khi khám nhà bị cáo H và đã được xử lý trả lại H.

Tại bản án HSST số 34/2018/HS-ST ngày 04/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Thị H, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 123; Điểm p, Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, trừ cho bị cáo 05 ngày bị tạm giữ (Từ 22 giờ 30 phút ngày 05/11/2017 đến 16 giờ 10 phút ngày 10/11/2017). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, trừ cho bị cáo 05 ngày tạm giữ (Từ 22 giờ 30 phút ngày 05/11/2017 đến 15 giờ 50 phút ngày 10/11/2017). Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, theo quyết định thi hành án phạt tù.

Ngoài ra bản án tuyên phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2018 bị cáo Nguyễn Văn Đ làm đơn kháng cáo với nội dung bị cáo thấy mức hình phạt đối với bị cáo là cao, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/5/2018 bị cáo Hoàng Thị H làm đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù là quá nặng. Mục đích của bị cáo khi thực hiện hành vi là chỉ muốn mời anh Triệu Đức V về để hỏi rõ về việc anh V bỏ đi

mà chưa quyết toán chứ không có ý định bắt, giữ anh V. Khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang để đầu thú. Hiện tại bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Chồng bị cáo hiện đang nghiện ma túy, không có thu nhập nên bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Ngày 24/8/2018 trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có đơn rút kháng cáo. Tòa án đã thông báo về việc bị cáo Đ rút đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Thị H vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị H đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị cáo H vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, lý do là đang điều trị rối loạn tiền đình tại Bệnh viện đa khoa S, Huyện H, tỉnh B, xét thấy bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, không có

kháng cáo, kháng nghị bất lợi đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, và Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa thấy đủ cơ sở xác định :

Do biết anh V làm quản lý quán hát cho bị cáo H nghỉ việc và chưa thanh toán dứt điểm tiền thu của khách với tiền lương của anh V được nhận, bị cáo H đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu anh V về gặp H để thanh toán, nhưng anh V không về gặp H được.

Ngày 21/9/2017 bị cáo Đ đang ở quán KTV 88 của bị cáo H, thì được bị can Q gọi điện báo có biết chỗ anh V đang sinh sống, bị cáo Đ có điện thoại báo lại cho H biết, H xác nhận và đồng ý để bị cáo cùng bị can Q, bị cáo T1 và bị cáo C đi tìm để bắt đưa anh V về gặp H, một lúc sau thì Q đi xe mô tô đến quán karaoke KTV 88 của H. Q lấy 01 gậy sắt dài khoảng 70 cm (Loại gậy rút gồm 03 đoạn), đồng thời Q xin phép H đi tìm và đưa anh V về, Q có nói với H là hôm nay gặp V là “đánh”, thì H bảo không được đánh. Ngay sau đó bị cáo Đ có điện thoại gọi thêm bị cáo T1, bị cáo C đến, để đi tìm bắt và đưa anh V về giúp H, Bị cáo H đã giao xe ô tô biển kiểm soát 30E. 409.55 màu sơn bạc cho bị cáo T1, để bị cáo T1 cùng các đối tượng khác đi huyện M, thành phố H tìm và bắt anh V về gặp H để giải quyết vụ việc, sau đó các bị cáo đã thực hiện hành vi bắt, giữ anh V để đưa về quán Karaoke KTV 88, tại thôn Trung T, xã H do bị cáo H là chủ quán.

Án sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của người liên quan, lời khai nhận tội của các bị cáo cùng các vật chứng mà Cơ

quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị H thấy: Bị cáo H có vai trò chính trong việc bắt, giữ người trái pháp luật. Sau đến bị cáo Đ. Bị cáo H đã bị kết án và đã chấp hành xong bản án và đương nhiên xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để trở thành công dân có ích cho xã hội, mà lại tiếp tục phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tòa cấp sơ thẩm sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của bị cáo và xét xử bị cáo Hoàng Thị H 12 tháng tù là phù hợp, không nặng. Đối chiếu với các căn cứ quy định của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo Hoàng Thị H không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo H không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Thị H như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là có căn cứ.

[4] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Hoàng Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 123; Điểm p, Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, trừ cho bị cáo 05 ngày bị tạm giữ (Từ 22 giờ 30 phút ngày 05/11/2017 đến 16 giờ 10 phút ngày 10/11/2017). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Hoàng Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- TAND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi